TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 13, 25/03 – 29/03/2024

Nỗ lực tăng điểm của thị trường

Tiêu điểm:

- Theo số liệu được Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/3, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2024 ước đạt 65.09 tỷ USD, tăng 35.6% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý 1/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 178.04 tỷ USD, tăng 15.5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17%; nhập khẩu tăng 13.9%.
- GDP quý 1/2024 bật tăng 5.66%, cao nhất trong vòng 4 năm.
- Tỷ giá biến động khiến nhà đầu tư nước ngoài cơ cấu lại dòng tiền, tạo áp lực bán ròng gần 9,900 tỷ đồng từ đầu năm đến nay.

Đánh giá: VNINDEX duy trì đà tăng tốt dù biên độ tăng không nhiều trong tuần này. Động lực cho đà tăng đến từ kì vọng về phục hồi kinh tế trong 2024, KQKD Q1 và mùa đại hội cổ đông đang diễn ra. Vì thế, chúng tôi kì vọng thị trường sẽ khó có những nhịp giảm mạnh hơn 30 điểm, ít nhất cho đến khoảng tháng 5 – thời điểm trũng thông tin hỗ trợ. Điều đáng chú ý là khối ngoại bán ròng khá mạnh cũng là rủi ro nhà đầu tư cần lưu ý.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX tăng nhẹ 2.29 điểm, +0.18%, cho thấy cung cầu đang cân bằng hơn, và đà tăng có dấu hiệu chậm lại. Chỉ báo STOCH RSI đang tiến vào vùng quá mua ngắn hạn nhưng vẫn còn dư địa tăng tiếp. Tuy nhiên, rủi ro giao dịch T+ là cao nên khuyến nghị nhà đầu tư cần hạn chế, đặc biệt với những mã cổ phiếu đã tăng cao so với các ngưỡng hỗ trợ.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu cần xem xét các ngưỡng hỗ trợ 1,260 là ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn của VNINDEX, và 1,220 là ngưỡng hỗ trợ trung hạn để bán kịp thời. Kì vọng nhóm ngành xuất nhập khẩu và bất động sản, chứng khoán sẽ được dòng tiền chú ý hơn trong thời gian tới.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,284	0.2	2.5	13.6	13.6		16.7	1.8	212
Upcom Index	92	0.7	1.0	5.2	5.2		12.6	1.3	49
HNX Index	243	0.4	3.0	5.0	5.0		24.0	1.3	12
VN30 Index	1,297	1.0	2.5	14.6	14.6		13.0	1.7	149
S&P 500 Index	5,254	0.4	3.1	10.2	10.2		25.2	4.8	45,889
STOXX Europe 600 Index	513	0.6	3.7	7.0	7.0		15.0	2.1	14,761
Hang Seng	16,541	0.3	0.2	-3.0	-3.0		9.4	1.0	2,499
Nikkei 225	40,369	-1.3	3.1	20.6	20.6		28.7	2.3	4,729
SHCOMP Index	3,041	-0.2	0.9	2.2	2.2		13.8	1.3	6,338
STI Index	3,224	0.2	2.6	-0.5	-0.5		11.4	1.1	362
KOSPI Index	2,747	-0.1	3.9	3.4	3.4		17.8	1.0	1,604

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 8011
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.1	3.0	15.1	-14.0	-7.7	20.1	80.2	1.2	14.4	1.8	4,607,938
Mid Cap	2.8	6.8	16.7	-20.7	-13.6	15.7	18.7	-1.3	21.3	1.3	547,439
Small Cap	-5.7	-5.2	1.3	-9.4	-11.7	-10.8	1.2	0.1	34.9	0.7	70,279

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	3.2	10.3	23.2	-15.3	-21.7	15.8	3.7	0.0	233.1	3.7	114,604
Công nghệ Thông tin	1.3	6.4	18.6	-43.0	-40.4	-17.8	1.2	-0.6	23.6	3.9	162,759
Thực phẩm và đồ uống	0.9	1.7	4.8	-6.7	-13.4	19.5	8.2	0.8	24.2	2.5	436,907
Xây dựng và vật liệu	0.9	5.7	10.3	-26.6	-18.4	4.8	5.7	-0.9	23.3	1.4	139,587
Bảo hiểm	0.9	0.7	8.1	-18.7	-24.6	1.2	0.2	0.0	14.6	1.5	44,032
Du lịch và Giải trí	0.7	2.1	0.4	-9.3	-10.8	-2.0	0.4	0.0	n.a	20.4	96,954
Ô tô & Phụ tùng	0.7	3.3	11.1	-15.2	-5.7	14.9	0.4	0.0	19.5	1.2	16,241
Tài chính	0.6	6.4	21.6	-4.1	-6.4	29.8	17.7	2.1	24.2	1.8	220,389
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4	8.6	16.9	-25.6	-22.2	20.9	1.2	-0.2	15.8	2.0	62,373
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.3	12.5	20.5	-3.9	1.3	35.6	6.6	0.8	15.6	1.5	157,031
Hóa chất	0.2	11.9	38.0	-36.1	-32.8	-3.2	3.6	-1.2	26.5	2.1	245,501
Ngân hàng	0.1	1.5	20.5	-9.7	-1.5	5.6	19.1	1.2	10.4	1.7	2,072,479
Bất động sản	0.0	3.6	7.3	-19.5	0.3	40.9	23.1	-1.2	15.4	1.3	804,754
Dược và Y tế	-0.1	4.4	8.5	-56.1	-38.0	-10.9	0.1	-0.1	14.8	2.0	37,567
Tiện ích	-0.1	1.6	7.8	-32.3	-32.6	-8.9	0.9	-0.2	6.9	1.9	316,218
Truyền thông	-0.6	-3.6	-12.4	-46.8	-30.8	-5.6	0.1	0.0	29.2	1.0	1,875
Tài nguyên cơ bản	-0.7	-1.1	8.1	-18.5	-11.9	5.4	6.8	-0.3	32.6	1.6	228,833
Dầu khí	-1.0	4.2	9.8	-27.2	-22.9	13.8	1.0	-0.2	23.2	2.2	65,376

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,470**	-47.7	-85.0	-229.2	-244.2
Nước ngoài	**2,456**	-42.6	-58.8	-178.4	-65.3
VanEck Vectors Vietnam ETF	561	0.0	0.0	-0.6	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	868	-36.8	-37.4	-27.8	39.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	454	0.0	0.0	-90.2	-187.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	351	-2.8	-17.3	-24.5	42.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	192	-3.0	-3.0	-33.5	-27.1
Premia MSCI Vietnam ETF	14	0.0	-1.2	-1.8	-2.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,014**	-5.1	-26.2	-50.9	-178.9
DCVFMVN Diamond ETF	569	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	317	-3.8	-17.7	-29.2	-72.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	87	-1.3	-8.5	-20.5	-106.3
MAFN VN30 ETF	25	0.0	0.1	-0.4	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.0	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	105	3,733	1,076	1,076
Indonesia	-125	506	1,686	1,686
Nhật Bản*	-5,887	-11,242	13,320	13,320
Maylaysia	-70	-586	-164	-164
Philippines	-42	-46	163	163
Hàn Quốc	1,464	3,739	12,113	12,113
Sri Lanka	1	-14	-25	-26
Đài Loan	-1,851	-91	4,731	4,731
Thái Lan	-21	-1,163	-1,951	-1,951
Việt Nam	-152	-321	-371	-371

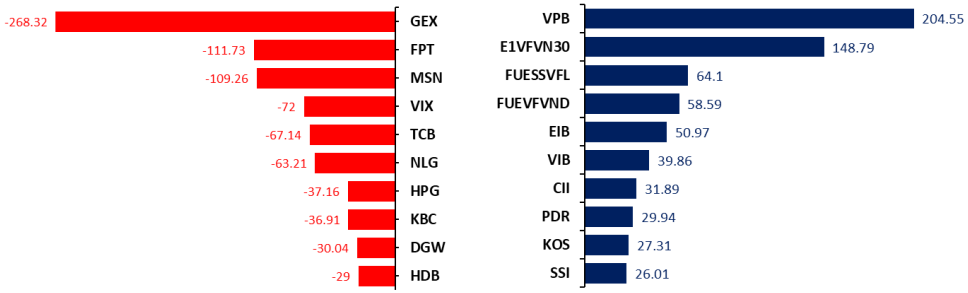
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

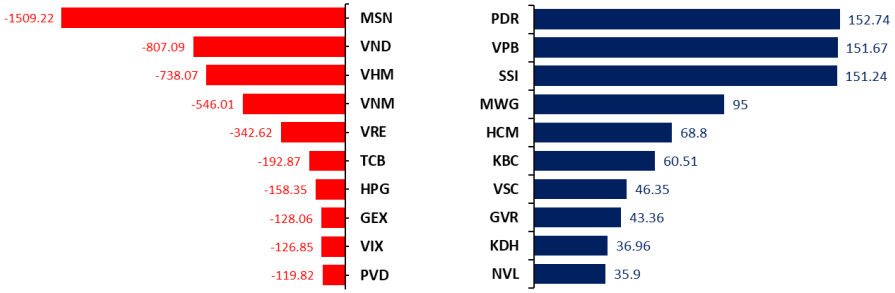
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-47	-958	1,593	-635
Tài nguyên Cơ bản	-43	-204	359	-155
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-301	-138	361	-223
Y tế	4	6	-13	7
Hóa chất	-31	-30	66	-36
Dịch vụ tài chính	243	-893	1,066	-173
Du lịch và Giải trí	-14	-62	95	-33
Ngân hàng	99	-176	650	-474
Xây dựng và Vật liệu	32	-77	31	46
Thực phẩm và đồ uống	-125	-2,122	2,152	-30
Bán lẻ	-51	-9	-54	63
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-8	-5	37	-32
Hàng cá nhân & Gia dụng	-22	10	14	-23
Công nghệ Thông tin	-112	17	123	-139
Ô tô và phụ tùng	-6	43	-13	-30
Bảo hiểm	0	0	-13	14
Dầu khí	6	-116	115	1
Tổng	-377	-4,716	6,568	-1,852

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	RDP	Hóa chất	5.81 - 12.50	6.5	-18.4%
2	AGM	Thực phẩm và đồ uống	5.00 - 14.40	6.7	-16.6%
3	HU1	Xây dựng và Vật liệu	5.22 - 11.20	5.2	-11.2%
4	SRC	Ô tô và phụ tùng	16.50 - 33.00	28.8	-11.1%
5	APC	Y tế	6.90 - 13.80	7.0	-11.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
38.8%	3.5	2.13 - 4.46	Hàng cá nhân & Gia dụng	SVD
26.3%	240.0	176.00 - 248.80	Thực phẩm và đồ uống	VCF
24.4%	12.5	6.79 - 13.00	Bất động sản	VRC
23.5%	12.6	3.90 - 15.95	Bất động sản	QCG
14.6%	12.5	25.10 - 47.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CLW

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VNC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32.50 - 57.20	37.4	-16.1%
2	PEN	Xây dựng và Vật liệu	6.70 - 11.80	6.9	-15.9%
3	KTT	Xây dựng và Vật liệu	2.50 - 6.00	3.8	-13.6%
4	SFN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.30 - 27.50	18.2	-12.1%
5	MCO	Xây dựng và Vật liệu	3.20 - 38.00	26.5	-11.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
44.0%	3.6	2.40 - 5.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L43
43.3%	22.5	6.70 - 22.50	Xây dựng và Vật liệu	HMR
32.0%	6.6	3.81 - 6.60	Xây dựng và Vật liệu	DC2
27.4%	9.3	7.00 - 13.30	Công nghệ Thông tin	UNI
26.1%	2.9	2.20 - 3.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L62

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	AAH	#N/A	9.90 - 23.90	10.3	-31.3%
2	BQB	Thực phẩm và đồ uống	3.00 - 7.50	4.3	-28.3%
3	MIC	Tài nguyên Cơ bản	8.50 - 20.50	15.0	-26.8%
4	TBR	Bất động sản	6.40 - 10.80	7.7	-26.7%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	3.50 - 9.60	5.1	-26.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
72.3%	8.1	4.20 - 8.90	Hàng cá nhân & Gia dụng	XPH
70.6%	11.6	3.80 - 11.60	Xây dựng và Vật liệu	H11
69.6%	3.9	1.10 - 4.20	Bất động sản	PIV
65.0%	6.6	2.70 - 6.60	Du lịch và Giải trí	TSD
47.7%	19.5	9.00 - 19.50	Tài nguyên Cơ bản	TDS

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	HPX	CTCP Cảng Quy Nhơn	Bất động sản	93,013.3	432.2	7.9	3.77 - 8.40	4.9
2	QCG	Quốc Cường Gia Lai	Bất động sản	17,246.0	113.0	12.6	3.90 - 15.95	23.5
3	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	844,674.3	106.7	17.3	12.15 - 22.25	0.9
4	D2D	Phát triển Đô thị số 2	Bất động sản	6,143.5	84.5	44.1	23.00 - 47.40	4.3
5	TCL	Tan Cang Logistics	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	779.4	58.4	38.5	33.80 - 40.30	0.5
6	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	5,102.4	56.3	14.9	12.40 - 15.60	0.0
7	ASM	Tập đoàn Sao Mai	Thực phẩm và đồ uống	57,923.5	44.9	13.1	7.91 - 13.35	6.1
8	POM	Thép Pomina	Tài nguyên Cơ bản	12,469.6	44.5	5.1	4.23 - 9.04	-4.9
9	SJS	SUDICO	Bất động sản	22,380.1	39.8	73.0	39.20 - 82.40	-1.2
10	VND	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	1,167,219.8	38.9	23.0	14.35 - 25.60	-5.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

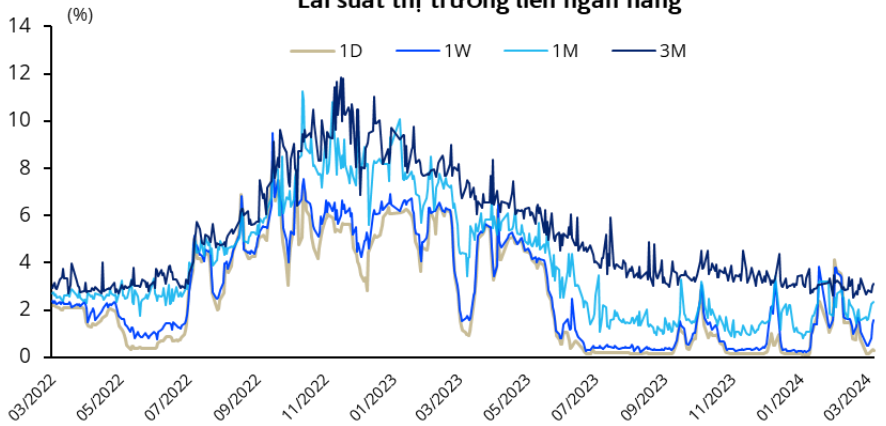
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.61	0.2	0.4	3.2	3.2	
VND/USD	24,794	0.1	0.6	2.2	2.2	
KRW/USD	1,347.35	0.7	1.2	4.6	4.6	
JPY/USD	151.36	0.0	0.9	7.3	7.3	
EUR/USD	0.93	0.3	0.3	2.5	2.5	
SGD/USD	1.35	0.1	0.3	2.2	2.2	
CNY/USD	7.22	-0.1	0.5	1.7	1.7	

Hàng hóa

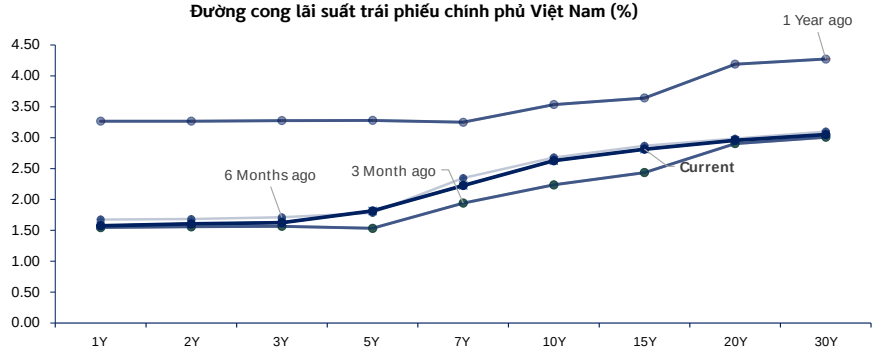
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	83.17	2.6	5.9	15.9	16.1	
Xăng	272.06	-0.2	19.8	30.5	29.4	
Gas	1.76	4.8	-6.5	-31.1	-29.9	
Than	132.00	2.9	1.9	-9.2	-9.8	
Vàng	2,229.87	2.2	9.6	8.0	8.1	
Bạc	24.96	0.9	11.2	4.1	4.9	
Platinum	911.29	1.4	3.5	-8.1	-8.1	
Quặng sắt	102.06	-8.0	-18.6	-25.0	-25.2	
Thép cán	3,736.00	-2.8	-6.9	-8.4	-8.4	
Lúa mì	560.25	2.5	-1.9	-11.3	-10.8	
Ngô	442.00	0.3	7.0	-6.8	-6.2	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.58	1.60	1.63	1.81	2.23	2.63	2.81	2.44	2.87
Thay đổi (BPS)*	18.70	19.00	16.80	14.20	17.40	8.50	7.80	4.80	1.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.